

Số: /BC-UBND

Phan Rang - Tháp Chàm, ngày tháng 02 năm 2023

## **BÁO CÁO**

### **Việc thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục tại cơ sở giáo dục thuộc thành phố Phan Rang - Tháp Chàm giai đoạn 2018 - 2022**

Thực hiện Công văn số 110/VPUB-VXNV ngày 09/01/2023 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 13/KH-ĐGS ngày 30/12/2022 của Đoàn Giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh,

Ủy ban nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm báo cáo việc thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục tại các cơ sở giáo dục giai đoạn 2018-2022 như sau:

#### **I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

Thành phố Phan Rang- Tháp Chàm được thành lập theo Nghị định số 84/2005/NĐ-CP ngày 07/7/2005 của Chính phủ. Phía đông giáp Biển Đông, Phía tây giáp huyện Ninh Sơn, phía nam giáp huyện Ninh Phước, phía bắc giáp huyện Bác Ái và huyện Ninh Hải. Ngày 26/02/2015, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 252/QĐ-TTg về việc công nhận thành phố Phan Rang- Tháp Chàm là đô thị loại II. Thành phố Phan Rang- Tháp Chàm được chia thành 16 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 15 phường: Bảo An, Đài Sơn, ĐạoLong, Đô Vinh, Đông Hải, Kinh Dinh, Mỹ Bình, Mỹ Đông, Mỹ Hải, Mỹ Hương, Phủ Hà, Phước Mỹ, Tấn Tài, Thanh Sơn, Văn Hải và xã Thành Hải.

Giai đoạn 2018-2022, Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố Phan Rang - Tháp Chàm triển khai thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần chỉ đạo của Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09/6/2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW; Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 và Nghị quyết số 51-2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa; Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông.

Mạng lưới trường, lớp các cấp học được quy hoạch, sắp xếp tương đối hợp lý. Công tác đầu tư xây dựng cơ sở vật chất theo hướng kiên cố hoá, đồng thời đang đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục. Tại thời điểm báo cáo, toàn thành phố có 163 cơ sở giáo dục (công lập: 45; tư thực: 118); trong đó: cấp mầm non có

128 cơ sở, nhóm/lớp; cấp tiểu học có 26 trường; cấp trung học cơ sở có 07 trường; phổ thông liên cấp có 02 trường. Tổng số học sinh là 36.883 (9.132 trẻ mầm non, 17.254 học sinh tiểu học, 10.447 học sinh THCS). Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên toàn Ngành là 1.674 (cấp mầm non: 236; cấp tiểu học: 870; cấp THCS: 568).

## **II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC**

### ***1. Việc ban hành các văn bản; kế hoạch triển khai, tổ chức thực hiện các chính sách giáo dục tại các cơ sở giáo dục của tỉnh***

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo từ Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, Thành ủy và Hội đồng nhân dân thành phố<sup>1</sup>, Ủy ban nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm đã kịp thời ban hành nhiều văn bản chỉ đạo ngành Giáo dục và Đào tạo thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các chính sách, pháp luật về giáo

---

<sup>1</sup> - Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và các quy định hiện hành của Nhà nước;

- Quyết định 59/2012/QĐ-UBND ngày 11/10/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc quy định vùng thiếu nước ngọt và sạch, thời gian, mức hưởng trợ cấp tiền mua, vận chuyển nước ngọt và sạch đối với cán bộ công chức, viên chức công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

- Luật Viên chức năm 2010; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

- Quyết định số 84/2013/QĐ-UBND ngày 18/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận quy định việc dạy và học tiếng Chăm trong các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

- Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;.

- Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

- Thông tư số 08/2016/TT-BGDĐT ngày 28/3/2016 của Bộ Giáo dục Đào tạo quy định chế độ định mức giờ dạy cho giáo viên, giảng viên làm công tác công đoàn không chuyên trách trong các cơ quan giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019;

- Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở;

- Nghị quyết 102/NQ-CP ngày 03/7/2020 của Chính phủ về giải pháp đối với biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định 77/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo;

- Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

dục tại cơ sở giáo dục giai đoạn 2018-2022 (*cụ thể các văn bản tại Phụ lục 1 đính kèm*).

## **2. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các văn bản liên quan**

Trong thời gian qua, Ủy ban nhân dân thành phố thường xuyên đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến về chủ trương đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, về các chế độ chính sách về thực hiện chương trình Giáo dục phổ thông 2018 trên địa bàn thành phố nhằm thông tin đến toàn thể đội ngũ cán bộ, viên chức và toàn thể nhân dân; qua đó, nâng cao trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp trong chăm lo phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo của thành phố; xác định vai trò nòng cốt của ngành Giáo dục và Đào tạo, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc đảm bảo nguồn lực thực hiện chương trình Giáo dục phổ thông 2018 trên địa bàn thành phố.

Ủy ban nhân dân thành phố đã chỉ đạo các cơ sở giáo dục trực thuộc tiến hành tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng cho cán bộ, giáo viên, phụ huynh học sinh và học sinh các chủ trương, chính sách để thực hiện tốt và kịp thời các hồ sơ, thủ tục theo quy định về miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, chế độ ăn trưa trên các kênh thông tin (truyền thanh, trang Website của Phòng Giáo dục và Đào tạo,...).

Đồng thời, thường xuyên quán triệt các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, Chính phủ, các Bộ, ngành, Trung ương; Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo nhằm động viên đội ngũ nhà giáo yên tâm công tác, cống hiến; tạo điều kiện để phát triển nâng cao chất lượng giáo dục. Nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về thực hiện chính sách, pháp luật đối với đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đã được triển khai kịp thời, đúng quy định, bao gồm: Chính sách về tuyển dụng, chính sách điều động luân chuyển, chính sách lương, phụ cấp ưu đãi, chính sách đào tạo, bồi dưỡng...

Qua tuyên truyền, quán triệt nội dung các văn bản liên quan, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh hiểu rõ và nắm vững những quan điểm, chủ trương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Nhận thức và hành động của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên về nội dung giáo dục có nhiều chuyển biến tích cực, từ đó đề ra nhiều giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục. Cán bộ quản lý, giáo viên yên tâm, nhiệt tình, trách nhiệm trong công tác, chấp hành tốt mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; xác định rõ mục tiêu, chuẩn đầu ra của từng cấp học, tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn; thường xuyên đổi mới quản lý giáo dục, đổi mới dạy học và đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

## **3. Công tác xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục của các cơ sở giáo dục; công tác thanh tra, kiểm tra, thi đua - khen thưởng, xử lý vi phạm pháp luật trong giáo dục**

### **3.1. Công tác xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục**

Thực hiện Khung kế hoạch thời gian năm học của Ủy ban nhân dân tỉnh và hướng dẫn thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non, Chương trình Giáo dục phổ thông của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các cơ sở giáo dục xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả kế hoạch giáo dục theo hướng phân cấp quản lý, chủ động, sáng tạo, tự chủ và phù hợp điều kiện thực tiễn địa phương; tổ/nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch cụ thể của từng môn học và hoạt động giáo dục.

### ***3.2. Công tác thanh tra, kiểm tra, thi đua - khen thưởng, xử lý vi phạm pháp luật trong giáo dục***

Hàng năm, ngành Giáo dục và Đào tạo xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch kiểm tra nội bộ. Căn cứ kế hoạch kiểm tra nội bộ, các bộ phận chuyên môn tham mưu cho lãnh đạo các quyết định thành lập các đoàn kiểm tra chuyên ngành, kiểm tra chuyên môn, kiểm tra toàn diện công tác quản lý, chất lượng dạy và học đối với các cơ sở giáo dục; báo cáo định kỳ theo quy định của cấp trên quản lý; tổ chức sơ, tổng kết năm học, các cuộc vận động và phong trào thi đua của Ngành.

- Công tác thanh tra, kiểm tra được thực hiện thường xuyên theo định kỳ, hoặc khi có vụ việc đột xuất; qua đó, đã khắc phục, chấn chỉnh và giúp các đơn vị đánh giá đúng thực trạng tình hình của các nhà trường, tư vấn các giải pháp khả thi để phát huy ưu điểm, khắc phục tồn tại, hạn chế; có biện pháp chấn chỉnh, uốn nắn, bổ sung kịp thời các thiếu sót nhằm thúc đẩy việc nâng cao hiệu lực quản lý giáo dục, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ năm học. Chỉ đạo các đơn vị thực hiện các chế độ của cán bộ, giáo viên, nhân viên dựa trên các văn bản quy định thông qua Quy chế chi tiêu nội bộ tại đơn vị. Bên cạnh đó, chỉ đạo các trường học thực hiện tốt Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo kế hoạch đã đề ra. Đồng thời chỉ đạo các đơn vị nghiêm túc thực hiện công khai định mức, chế độ, tiêu chuẩn chi thường xuyên, mua sắm thiết bị; thực hiện chi tiêu ngân sách hợp lý, cắt giảm những khoản chưa cần thiết.

Trong giai đoạn 2018-2022, Ủy ban nhân dân chỉ đạo Thanh tra thành phố phối hợp với phòng Giáo dục và Đào tạo tiếp nhận, xử lý 14 đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo Hiệu trưởng về giải quyết chế độ 02 tháng hè năm học 2020-2021 trước khi nghỉ hưu (trước tháng 6/2021). Kết quả giải quyết theo đúng quy định chỉ giải quyết theo chế độ phép năm 2021 không giải quyết theo 02 tháng hè vì đã có Quyết định nghỉ hưu trước tháng 06/2021).

- Chính sách khen thưởng, kỷ luật: Thực hiện đảm bảo các chính sách khen thưởng theo các quy định<sup>2</sup>. Hàng năm việc xem xét đề nghị danh hiệu thi

<sup>2</sup> Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng; Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng; Quyết định số 95/2018/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy chế thi đua, khen thưởng.

đua và hình thức khen thưởng cho nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục được thực hiện cơ bản đảm bảo. Ủy ban nhân dân thành phố ra Quyết định công nhận danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp cơ sở và tặng giấy khen của Ủy ban nhân dân thành phố kèm tiền thưởng theo quy định. Đối với danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng bậc cao, Hội đồng thi đua khen thưởng thành phố trình các cấp xem xét. Việc xét thi đua hàng năm đã quan tâm đến đối tượng giáo viên, nhân viên từ đó tạo động lực thúc đẩy nhà giáo công tác tốt.

Về kỷ luật đối với cán bộ, nhà giáo vi phạm về quy chế chuyên môn, nghiệp vụ. Thực hiện một cách công khai, công bằng, dân chủ gắn với chế độ, quyền lợi của đội ngũ nhà giáo cũng như cơ chế, biện pháp xử lý theo quy định.

#### **4. Công tác rà soát, sắp xếp mạng lưới trường, lớp giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông**

Công tác quy hoạch mạng lưới trường, lớp học trên địa bàn thành phố Phan Rang - Tháp Chàm là phù hợp, đảm bảo thuận lợi cho học sinh đến trường. Trong giai đoạn 2018-2022, thành phố thực hiện sáp nhập từ 15 cơ sở giáo dục thành 07 cơ sở. Kết quả, từ 50 cơ sở giáo dục công lập giảm còn 45 cơ sở; bao gồm: 10 trường mầm non/mẫu giáo, 26 trường tiểu học, 07 trường THCS, 02 trường phổ thông liên cấp.

Ngày 10/8/2022 Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch số 348/KH-UBND về triển khai rà soát, sắp xếp lại mạng lưới trường, lớp học và đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, nhân viên giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn thành phố Phan Rang - Tháp Chàm. Theo đó, trong thời gian tới ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố tiếp tục triển khai sáp nhập trường, lớp học theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Đến năm 2025, thành phố có 42 trường công lập (giảm 03 trường so với hiện tại); cụ thể: cấp mầm non có 09 trường; cấp tiểu học có 24 trường; cấp THCS có 06 trường; trường phổ thông liên cấp có 03 trường.

#### **5. Công tác xã hội hóa giáo dục: phát triển trường lớp ngoài công lập; các chính sách thu hút, huy động các nguồn lực đầu tư**

Công tác xã hội hóa giáo dục tiếp tục được đẩy mạnh, tạo được sự chuyển biến tích cực thu hút các nguồn lực của xã hội, sự quan tâm của các tổ chức, cá nhân đến sự phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố. Các tổ chức xã hội, cá nhân đã tích cực hỗ trợ xây dựng, sửa chữa trường lớp, tăng cường cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy học cho các trường. Một số trường học được đầu tư xây dựng mới khu vệ sinh khang trang, hiện đại, trị giá hàng tỷ đồng.

Từ nguồn kinh phí dự án, kinh phí xã hội hóa, nhiều trường học trên địa bàn thành phố được đầu tư bể bơi nhân tạo, sân bóng đá mini, thư viện xanh... đáp ứng nhu cầu học tập, vui chơi, giải trí, hoạt động thể dục - thể thao lành mạnh, bổ ích của học sinh; nhiều trang thiết bị dạy học hiện đại được đầu tư mua sắm (đồ chơi cho trẻ mầm non; ti vi thông minh màn hình lớn, bảng tương tác, phòng học Tin học... cho các cấp học phổ thông); hỗ trợ chi trả lương cho đội

ngũ lao động không có trong biên chế, không thể trả lương từ ngân sách nhà nước (giáo viên tiếng Anh tiểu học, nhân viên cấp dưỡng mầm non).

Đặc biệt, trong giai đoạn 2018-2022, thực hiện chủ trương xã hội hóa, hệ thống mầm non tư thục được khuyến khích phát triển. Kết quả, số lượng cơ sở giáo dục mầm non tư thục tăng 01 trường và 32 nhóm/lớp.

### **III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

#### **1. Đối với giáo dục mầm non**

##### ***1.1. Mạng lưới trường lớp, số trẻ***

*Năm học 2018-2019:* Tổng số cơ sở giáo dục là 121 (công lập: 12 trường; tư thục: 109 cơ sở). Tổng số lớp/nhóm là 344 (công lập: 99; tư thục: 245). Tổng số học sinh là 9324 trẻ (công lập: 2982; tư thục: 6342).

*Năm học 2019-2020:* Tổng số cơ sở giáo dục là 129 (công lập: 11 trường; tư thục: 118 cơ sở). Tổng số lớp/nhóm là 365 (công lập: 94; tư thục: 271). Tổng số học sinh là 9172 trẻ (công lập: 2710; tư thục: 6462).

*Năm học 2020-2021:* Tổng số cơ sở giáo dục là 129 (công lập: 11 trường; tư thục: 118 cơ sở). Tổng số lớp/nhóm là 377 (công lập: 94; tư thục: 283). Tổng số học sinh là 9153 trẻ (công lập: 2886; tư thục: 6267).

*Năm học 2021-2022:* Tổng số cơ sở giáo dục là 138 (công lập: 11 trường; tư thục: 127 cơ sở). Tổng số lớp/nhóm là 408 (công lập: 94; tư thục: 314). Tổng số học sinh là 9134 trẻ (công lập: 2548; tư thục: 6586).

##### ***1.2. Kết quả xây dựng trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia và công tác kiểm định chất lượng giáo dục mầm non trên địa bàn***

Tính đến thời điểm báo cáo, cấp học mầm non có 10/10 trường đã đăng ký đánh giá ngoài; trong đó, 06/10 trường đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 1 (MN Đô Vinh, MG Vành Khuỷên, MG Văn Hải, MG Mỹ Đông, MN 16/4, MN Sơn Ca); 02/6 trường đạt chuẩn Quốc gia (MN Sơn Ca, MN Đô Vinh). Trong năm 2023 có thêm 02 trường phấn đấu đạt chuẩn Quốc gia (MG Hòa Mi, MG Vành Khuỷên).

##### ***1.3. Đánh giá chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ***

*a) Kết quả huy động trẻ khỏi nhà trẻ, khỏi mẫu giáo ra lớp theo quy định; tỷ lệ trẻ em được học 2 buổi/ngày theo từng năm học*

Thực hiện chủ trương phổ cập giáo dục cho trẻ em 5 tuổi, tiến tới phổ cập giáo dục cho trẻ mẫu giáo, ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố quán triệt các cơ sở giáo dục mầm non công lập thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả công tác huy động trẻ ra lớp và tổ chức học 2 buổi/ngày cho trẻ em 5 tuổi. Kết quả, tỷ lệ trẻ ra lớp ở các độ tuổi và tỷ lệ trẻ 5 tuổi được học 2 buổi/ngày duy trì ổn định và có chiều hướng gia tăng theo từng năm. Điển hình trong năm học 2022-2023, tỷ lệ trẻ 5 tuổi ra lớp đạt 100%, tỷ lệ trẻ mẫu giáo ra lớp đạt 73%, tỷ lệ trẻ 5 tuổi được học 2 buổi/ngày đạt 100%.

*b) Việc triển khai các chương trình và đổi mới phương pháp giáo dục mầm non; công tác chất lượng chăm sóc sức khỏe, nuôi dưỡng trẻ*

Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo các cơ sở giáo dục mầm non triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non hiện hành theo Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT, Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT và Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT. Trên quan điểm giáo dục tích hợp, giáo dục hướng vào trẻ, lấy trẻ làm trung tâm, các cơ sở giáo dục mầm non triển khai có hiệu quả nội dung chương trình giáo dục mầm non, tạo điều kiện cho trẻ được hoạt động tích cực, đáp ứng nhu cầu phát triển và hứng thú của trẻ, chú trọng đến kích thích phát triển các giác quan, các chức năng tâm sinh lý, hình thành những phẩm chất, năng lực, kỹ năng sống nền tảng để chuẩn bị thuận lợi cho trẻ vào học lớp 1 và phát triển tốt ở các giai đoạn sau.

Thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, mỗi đơn vị trường học chủ động xây dựng nội dung, phương pháp mới, có tính đột phá, phù hợp và nâng cao được hiệu quả, chất lượng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của đơn vị mình. Các trường tổ chức thực hiện nhiều giải pháp phù hợp để nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ. Chất lượng giáo dục giai đoạn 2018 - 2022 luôn đạt chỉ tiêu theo kế hoạch. Cụ thể: giảm trẻ suy dinh dưỡng thể cân nặng đạt 98,0%; giảm trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi đạt 98,0%; giảm trẻ suy dinh dưỡng thể gầy còm đạt 100%; giảm trẻ béo phì đạt 100 %; đảm bảo an toàn cho trẻ đạt 100%.

*c) Công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi và chuẩn bị phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo*

Công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi được duy trì đạt chuẩn hàng năm theo các tiêu chí của Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. Riêng năm học 2021-2022, công tác phổ cập giáo dục trẻ 5 tuổi không đạt vì dịch bệnh COVID-19, tỷ lệ trẻ 5 tuổi ra lớp thấp (chỉ có 08 phường/xã đạt công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi).

Để chuẩn bị phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo trong thời gian tới, thành phố quán triệt ngành Giáo dục và Đào tạo tích cực rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố kế hoạch triển khai, đảm bảo các điều kiện về nguồn lực, nhất là biên chế đội ngũ và cơ sở vật chất để thực hiện có hiệu quả công tác phổ cập giáo dục mầm non; tiếp tục thực hiện tốt công tác phối hợp điều tra, xử lý, cập nhật số liệu theo phần mềm phổ cập giáo dục, xóa mù chữ bảo đảm đầy đủ, kịp thời, chính xác.

**1.4. Việc triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ đối với giáo viên và trẻ em giáo dục mầm non; đánh giá tác động của các chế độ, chính sách hiện nay đối với giáo viên và trẻ em**

Chính sách hỗ trợ đối với giáo viên và trẻ em giáo dục mầm non được thực hiện dựa theo các văn bản: Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non; Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Quyết định số 73/2021/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kéo dài thời gian thực hiện các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về mức thu, vùng thu, quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021 đối với năm học 2021-2022 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 06/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức thu học phí trong năm học 2022-2023 và vùng thu học phí từ năm học 2022-2023 đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Việc triển khai các chủ trương, chính sách, chế độ trong lĩnh vực giáo dục được thực hiện đồng bộ, nghiêm túc, đúng đối tượng và kịp thời trên địa bàn thành phố. Chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ ăn trưa và hỗ trợ chi phí học tập đã tạo điều kiện và giúp đỡ kịp thời cho các trẻ có hoàn cảnh khó khăn tiếp tục được đến trường; giúp nhà trường làm tốt công tác huy động học sinh ra lớp, hạn chế tình trạng học sinh bỏ học, qua đó hỗ trợ hiệu quả cho ngành Giáo dục và Đào tạo địa phương trong việc duy trì sĩ số, nâng cao chất lượng giáo dục.

### ***1.5. Về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên giáo dục mầm non***

*a) Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên giáo dục mầm non*

Ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố triển khai công tác quy hoạch cán bộ quản lý theo từng giai đoạn; định kỳ hàng năm có điều chỉnh, bổ sung các nhân tố mới vào quy hoạch và đưa ra khỏi quy hoạch các cán bộ, viên chức không còn đáp ứng các điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định trình cấp trên phê duyệt.

Công tác bồi dưỡng đội ngũ giáo viên luôn được quan tâm, có nhiều biện pháp tích cực để bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên. Chất lượng của đội ngũ ngày càng được nâng lên. Giáo viên tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ bằng các hình thức đào tạo từ xa, tại chức, vừa học vừa làm...

*b) Số lượng, chất lượng, cơ cấu đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên giáo dục mầm non; tình trạng thừa, thiếu, tính hợp lý trong cơ cấu; năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên giáo dục mầm non theo yêu cầu hiện nay và trong những năm tới*

Đội ngũ giáo viên có tăng về số lượng theo từng năm nhưng vẫn chưa đáp ứng tỉ lệ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV



ngày 16/3/2015 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập nên khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ. Cụ thể: năm học 2018-2019 có 161 giáo viên/99 nhóm, lớp (tỉ lệ 1,62%), thiếu 63 giáo viên; năm học 2019-2020 có 156 giáo viên/96 nhóm, lớp (tỉ lệ 1,62%), thiếu 70 giáo viên; năm học 2020-2021 có 171 giáo viên/96 nhóm, lớp (tỉ lệ 1,78%), thiếu 36 giáo viên; năm học 2021-2022 có 172 giáo viên/94 nhóm, lớp (tỉ lệ 1,82%); thiếu 35 giáo viên.

Hầu hết cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có lòng yêu nghề, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, có ý chí vươn lên, tích cực học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Năng lực sư phạm của phần lớn nhà giáo được nâng lên, đáp ứng được yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục. Trình độ đào tạo của cán bộ quản lý đạt chuẩn và trên chuẩn hiện nay là 100%; giáo viên từ năm học 2020-2021 do thực hiện Luật giáo dục 2019 (trình độ chuẩn là cao đẳng) nên số lượng chưa đạt chuẩn vẫn còn (17 người). Theo lộ trình nâng chuẩn, số cán bộ quản lý, giáo viên chưa đạt chuẩn hiện nay đang học để nâng trình độ chuẩn theo quy định.

*c) Kết quả thực hiện chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên giáo dục mầm non*

Công tác tuyển dụng, điều động, luân chuyển giáo viên được quan tâm, đảm bảo đúng quy trình. Trong giai đoạn 2018 - 2022, ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố tổ chức 02 năm tuyển dụng viên chức bằng hình thức xét tuyển theo đúng các quy định. Cụ thể: năm học 2019-2020 tuyển dụng 84 giáo viên; năm học 2020-2021 tuyển dụng 18 giáo viên. Hàng năm, UBND thành phố chỉ đạo phòng Giáo dục và Đào tạo xây dựng phương án, có kế hoạch thực hiện bố trí, sắp xếp, bổ nhiệm, luân chuyển, tái bổ nhiệm cán bộ quản lý, điều động giáo viên trên cơ sở phát triển trường và biên chế được giao. Đối với giáo viên, căn cứ vào tình hình trường, lớp, biên chế được giao, nhu cầu và nguyện vọng chính đáng của giáo viên để thực hiện việc điều động theo đúng quy định. Đối với cán bộ quản lý, căn cứ vào tình hình trường, lớp và khả năng cán bộ quản lý để thực hiện điều động, luân chuyển cho phù hợp. Kết quả: năm học 2018-2019 bổ nhiệm lại 03 cán bộ quản lý, bổ nhiệm mới 08; năm học 2019-2020 điều động cán bộ quản lý, bổ nhiệm 04, bổ nhiệm mới 01; năm học 2020-2021 bổ nhiệm lại 01 cán bộ quản lý, bổ nhiệm mới 01; năm học 2021-2022 bổ nhiệm lại 03 cán bộ quản lý, điều động bổ nhiệm 03, bổ nhiệm mới 02.

Việc thực hiện chính sách về lương dựa theo các văn bản: Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; Thông tư số 03/2021/TT-BNV ngày 29/6/2021 của Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung

đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; Nghị định số 77/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo; Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập; Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 23/01/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính về Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập; Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05/01/2005 và Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2020; Thông tư liên tịch số 07/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/03/2013 hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập; Thông tư số 08/2016/TT-BGDĐT ngày 28/3/2016 quy định chế độ giảm định mức giờ dạy cho giáo viên, giảng viên làm công tác công đoàn không chuyên trách trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Hiện tại, toàn Ngành có 10/10 trường mầm non được giao tự chủ, tự chịu trách nhiệm về nguồn kinh phí được cấp. Các trường thực hiện việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo đầy đủ và kịp thời các khoản: lương, phụ cấp cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong biên chế và hợp đồng theo quy định. Đối với nhân viên (kế toán, y tế) được hưởng đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định như: Thông tư số 04/2018/TT-BNV ngày 27/03/2018 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thẩm quyền, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay thế và phụ cấp trách nhiệm công việc của kế toán trưởng, phụ trách kế toán của các đơn vị kế toán trong lĩnh vực kế toán nhà nước; Công văn số 869/SGDĐT-TCCB ngày 9/6/2014 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp ưu đãi nghề đối với nhân viên y tế trường học. Hàng năm, Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức thẩm tra, quyết toán tại các đơn vị trường học được giao kinh phí.

Công tác bồi dưỡng đội ngũ giáo viên luôn luôn được quan tâm và đã có nhiều biện pháp tích cực để bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên các cơ sở giáo dục trên địa bàn, tạo được sự chuyển biến khá tốt trong việc nâng cao chất lượng giáo dục. Chất lượng của đội ngũ giáo viên ngày càng được nâng lên. Giáo viên tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ bằng các hình thức đào tạo từ xa, tại chức, vừa học vừa làm... được tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức. Trong giai đoạn 2018 - 2022, Phòng Giáo dục và Đào tạo cử 16 cán bộ quản lý, giáo viên mầm non tham gia học các lớp lý luận chính trị trung cấp tại Trường Chính trị tỉnh Ninh Thuận; đồng thời các trường cử nhiều giáo viên tham gia học các lớp sơ cấp lý luận chính trị tại Trung tâm Bồi dưỡng chính trị thành phố.

Năm học 2020-2021 ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố đã tổ chức thăng hạng cho 10 giáo viên; thực hiện chuyển xếp lương và ngạch giáo viên mầm non theo Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ

trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập, cụ thể: năm học 2021-2022 chuyển từ Hạng II cũ sang hạng II mới cho 51 GV, chuyển từ Hạng III cũ sang hạng III mới cho 130 giáo viên.

*d) Đánh giá tác động của các chế độ, chính sách hiện hành trong việc quản lý, thu hút, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên giáo dục mầm non*

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước quan tâm đầu tư cho giáo dục, ban hành các văn bản liên quan đến chế độ, chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Hầu hết các văn bản đã đáp ứng tốt nhu cầu và nguyện vọng của số đông đội ngũ. Việc thực hiện các chế độ chính sách đối với đội ngũ bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong những năm qua kịp thời và đầy đủ theo quy định nên đã góp phần rất lớn trong việc động viên đội ngũ bộ quản lý, giáo viên, nhân viên an tâm công tác, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao. Việc đánh giá, xếp loại giáo viên được thực hiện thường xuyên hàng năm nhằm biểu dương giáo viên có thành tích tốt trong giảng dạy. Việc thực hiện phân cấp quản lý đối với các đơn vị trường học đã phát huy được tính chủ động, sáng tạo trong công tác quản lý, phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục.

***1.6. Đánh giá công tác đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phát triển các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn:***

Năm học 2018-2019 thành phố đưa vào sử dụng mới 16 phòng học được đầu tư từ nguồn kinh phí xây dựng tập trung của tỉnh và kết dư của thành phố. Cụ thể: MG Đông Hải 06 phòng, Tổng kinh phí: 6.758.274.611 đồng; MG Mỹ Bình 05 phòng, tổng kinh phí: 5.277.369.616 đồng; MG Mỹ Hải 05 phòng, tổng kinh phí: 4.865.773.302 đồng; MG Đông Hải 06 phòng (cơ sở Phú Thọ), tổng kinh phí: 8.809.893.337 đồng.

Việc sửa chữa cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị từ nguồn kinh phí tự chủ của các trường và nguồn sự nghiệp giáo dục từ năm 2018 đến 2022 cụ thể như sau:

*Năm học 2018-2019:* Nguồn kinh phí tự chủ và học phí các trường (công lập) là 2.947.812.000 đồng; trong đó sửa chữa nhỏ (làm mới nền phòng học, sửa hệ thống điện phòng học, chống dột, sửa chữa bàn ghế, hệ thống cửa phòng học ...) cho 05 đơn vị với số tiền là 2.319.300.000 đồng; mua sắm trang thiết bị phục vụ dạy học (TV, máy tính, đèn chiếu, đồ chơi ngoài trời, phương tiện và thiết bị dạy học ...) cho 09 đơn vị với số tiền là 628.512.000 đồng.

*Năm học 2019-2020:* Nguồn kinh phí tự chủ và học phí các trường (công lập) là 2.391.177.000 đồng; trong đó, sửa chữa nhỏ phục vụ dạy và học (làm mới nền phòng học, sửa hệ thống điện phòng học, chống dột, hệ thống cửa phòng học, nhà vệ sinh, chống thấm ...) cho 06 đơn vị với số tiền là

1.729.607.000 đồng; mua sắm trang thiết bị phục vụ dạy học (TV, đồ chơi ngoài trời, phương tiện và thiết bị dạy học ...) cho 08 đơn vị với số tiền là 661.570.000 đồng.

*Năm học 2020-2021:* Kinh phí sửa chữa, mua sắm trang thiết bị phục vụ năm học mới từ nguồn kinh phí tự chủ và học phí các trường công lập là 2.596.348.000 đồng; trong đó, sửa chữa nhỏ phục vụ dạy và học (làm mới nền phòng học, sửa hệ thống điện, la phong phòng học, chống dột, sửa chữa bàn ghế, hệ thống cửa phòng học, nhà vệ sinh, hệ thống nước rửa tay cho học sinh, hệ thống thoát nước...) cho 11 đơn vị với số tiền là 1.881.976.000 đồng; mua sắm trang thiết bị phục vụ dạy học (TV, máy tính, đèn chiếu, bàn ghế học sinh, máy photo, đồ chơi ngoài trời, phương tiện và thiết bị dạy học ...) cho 09 đơn vị với số tiền là 714.372.000 đồng.

*Năm 2021-2022:* Kinh phí sửa chữa, mua sắm trang thiết bị phục vụ năm học mới từ nguồn kinh phí tự chủ và học phí các trường công lập là 2.176.388.600 đồng; trong đó, sửa chữa nhỏ phục vụ dạy và học (làm mới nền phòng học, sửa hệ thống điện, la phong phòng học, chống dột, sửa chữa bàn ghế, hệ thống cửa phòng học, nhà vệ sinh, hệ thống nước rửa tay cho học sinh, hệ thống thoát nước, nâng cấp công tường rào...) cho 09 đơn vị với số tiền là 1.906.988.600 đồng; mua sắm trang thiết bị phục vụ dạy học (TV, bàn ghế học sinh, đồ chơi ngoài trời, phương tiện và thiết bị dạy học ...) cho 08 đơn vị với số tiền là 269.400.000 đồng.

*Năm 2022-2023:* Kinh phí sửa chữa, mua sắm trang thiết bị phục vụ năm học mới từ nguồn kinh phí tự chủ và học phí các trường công lập là 1.988.804.000 đồng; trong đó, sửa chữa phục vụ dạy học (làm mới nền phòng học, sửa hệ thống điện, la phong phòng học, chống dột, hệ thống cửa phòng học, nhà vệ sinh, hệ thống nước rửa tay cho học sinh, hệ thống thoát nước, nâng cấp công tường rào, hệ thống báo cháy tự động...) cho 09 đơn vị với số tiền là 1.728.919.000 đồng; mua sắm trang thiết bị phục vụ dạy và học (TV, máy tính, bàn ghế học sinh, đồ chơi ngoài trời, phương tiện và thiết bị dạy học...) cho 05 đơn vị với số tiền là 259.885.000 đồng.

Ngoài ra, Sở Giáo dục và Đào tạo đã cấp phát cho các trường mầm non/mẫu giáo nhiều danh mục đồ chơi ngoài trời, đồ chơi trong lớp như: bộ thiết bị, tài liệu, học liệu hỗ trợ công tác phổ biến Pháp luật trong trường mầm non; bập bênh; kệ gỗ học nhựa đa năng; giá để đồ chơi và học liệu; bể chơi cát nước; cầu thăng bằng; bộ vận động đa năng (thang leo - cầu trượt - ống chui); bộ DVD giáo dục phát triển vận động cho trẻ nhà trẻ, mẫu giáo; bộ cầu trượt, thang leo, xích đu, bóng rổ liên hoàn (bộ vận động đa năng: thang leo, cầu trượt, ống chui, cột ném bóng); bộ vận động leo trèo đoạt cờ đa năng (thang leo, cầu thăng bằng dao động); mô hình trò chơi thám hiểm cầu trượt, hầm chui liên hoàn (cầu trượt đơn, cầu thăng bằng cố định, nhà bóng...

## **2. Đối với giáo dục phổ thông**

### **2.1. Mạng lưới trường, lớp, học sinh**

Tại thời điểm báo cáo, cấp tiểu học có 26 trường công lập với tổng số học sinh là 17.224 (giảm 04 trường so năm 2018); cấp THCS có 07 trường với tổng số học sinh là 10.447 (giảm 03 trường so với năm 2018); trường phổ thông liên cấp có 02 trường.

## **2.2. Công tác rà soát, sắp xếp mạng lưới trường lớp, đánh giá việc thực hiện hợp nhất, sáp nhập các trường tiểu học, THCS**

### **a) Công tác rà soát, sắp xếp mạng lưới trường, lớp học**

Trong giai đoạn 2018 - 2022, thành phố thực hiện sáp nhập từ 06 cơ sở giáo dục phổ thông thành 03 cơ sở; kết quả từ 38 cơ sở giáo dục phổ thông giảm còn 35 cơ sở). Cụ thể các trường sau khi sáp nhập là: TH Đô Vinh 2 (sáp nhập từ TH Đô Vinh 2 và TH Đô Vinh 3); TH&THCS Lê Đình Chinh (sáp nhập từ TH Văn Hải 3 và THCS Lê Đình Chinh); TH&THCS Võ Nguyên Giáp (sáp nhập từ TH Đông Hải 3 và THCS Đông Hải).

Thực hiện Kế hoạch số 348/KH-UBND ngày 10/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về triển khai rà soát, sắp xếp lại mạng lưới trường, lớp học và đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, nhân viên giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, trong thời gian tới ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố tiếp tục triển khai sáp nhập trường, lớp học theo lộ trình cụ thể như sau:

Tháng 8/2023: Trường TH Tấn Tài 2 sáp nhập vào Trường THCS Trần Thi thành Trường TH&THCS Trần Thi với tổng số học sinh là 1.039/29 lớp; Trường TH Văn Hải 4 sáp nhập với Trường TH Văn Hải 1 thành Trường TH Văn Hải 1 với tổng số học sinh là 871/28 lớp; chuyển cơ sở 2 Trường TH Mỹ Đông thành cơ sở 2 trường TH Đông Hải 1.

Tháng 8/2025: Chuyển đổi trường Mầm non 16 tháng 4 (công lập) thành trường mầm non ngoài công lập với tổng số trẻ là 235/08 lớp.

Đến năm 2025, thành phố có 43 trường công lập (giảm 02 trường so với hiện tại); cụ thể: cấp mầm non có 09 trường; cấp tiểu học có 24 trường; cấp THCS có 07 trường; trường phổ thông liên cấp có 03 trường.

### **b) Đánh giá việc thực hiện hợp nhất, sáp nhập các trường tiểu học, THCS**

Việc sáp nhập trường giúp tinh gọn bộ máy quản lý, chống lãng phí ngân sách. Cụ thể, sau khi sáp nhập đối với 02 cơ sở giáo dục phổ thông, chỉ còn 01 hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng; giảm 02 cán bộ quản lý, 01 nhân viên y tế, 01 nhân viên thư viện, 01 kế toán và nhiều chức danh của tổ chức Công đoàn, tổ chức Đội, tổ trưởng, tổ phó các tổ chuyên môn.

Bên cạnh đó, việc sáp nhập trường tiểu học và trường THCS thành trường phổ thông liên cấp cũng gây không ít trở ngại cho công tác quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ của các nhà trường. Cụ thể vào các buổi sinh hoạt chủ điểm (khai giảng, sơ kết, tổng kết năm học...), việc tập trung học sinh toàn trường tại cơ sở chính khiến giáo viên chủ nhiệm lớp và phụ huynh học sinh cấp tiểu học rất lúng

túng trong đưa đón, quản lý học sinh; đặc thù chuyên môn của hai bậc học khác xa nhau nên giáo viên khó hỗ trợ nhau trong phát triển chuyên môn nghiệp vụ; hoạt động của một số tổ chức, bộ phận chức năng trong nhà trường (tổ chức Đội, Y tế học đường, Thư viện, Thiết bị...) cũng bất cập, đơn cử như: 01 nhân viên không thể cùng một lúc hoạt động tại 02 cơ sở.

## ***2.2. Công tác tuyển sinh đầu cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông; tình hình học sinh bỏ học; kết quả phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông***

### ***a) Công tác tuyển sinh***

Công tác tuyển sinh lớp 1, lớp 6 thực hiện đúng quy trình theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các văn bản hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo. Hằng năm, Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố triển khai thu thập, tổng hợp số liệu và ý kiến đề xuất từ các trường trực thuộc đối với công tác tuyển sinh đầu cấp; trên cơ sở đó, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố kế hoạch và phương án tuyển sinh lớp 1, lớp 6 trên địa bàn thành phố. Trong giai đoạn 2018 – 2022, thành phố duy trì tốt và có thực hiện hiệu quả công tác tuyển sinh đầu cấp. Tỷ lệ học sinh lớp 1 ra lớp đúng độ tuổi đạt 100%; số học sinh hoàn thành chương trình tiểu học trên địa bàn thành phố tham gia dự tuyển vào lớp 6 đạt tỷ lệ 100%.

### ***b) Tình hình học sinh bỏ học***

Công tác duy trì sĩ số học sinh thực hiện theo các văn bản chỉ đạo: Chỉ thị số 27/CT-UBND ngày 30/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tăng cường huy động học sinh đến trường và hạn chế học tình trạng học sinh bỏ học trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Công văn số 4517-CV/TU ngày 12/11/2019 của Tỉnh ủy về việc tiếp tục củng cố đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và khắc phục học sinh chưa ra lớp; Công văn số 4737/UBND-VXVN ngày 19/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tiếp tục củng cố đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và khắc phục học sinh chưa ra lớp; Kế hoạch số 124/KH-SGDĐT ngày 23/01/2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo về triển khai thực hiện Chỉ thị số 27/CT-UNND ngày 30/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tăng cường huy động học sinh đến trường và hạn chế học tình trạng học sinh bỏ học trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Trong giai đoạn 2018-2022, thành phố luôn quan tâm chỉ đạo, tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên đề về huy động học sinh đến trường và hạn chế học sinh bỏ học giữa chừng trong các trường học trên địa bàn thành phố Phan Rang - Tháp Chàm; chỉ đạo ngành Giáo dục và Đào tạo thường xuyên nắm bắt tình hình học sinh bỏ học, chỉ đạo các trường học triển khai thực hiện các giải pháp có hiệu quả nhằm hạn chế tối đa tình trạng học sinh bỏ học và đưa nội dung duy trì sĩ số học sinh vào tiêu chí đánh giá, xét thi đua - khen thưởng hàng năm. Kết quả công tác duy trì sĩ số được duy trì ổn định qua các năm, cụ thể cấp tiểu học duy trì trên 99.7%, cấp THCS duy trì trên 99.0%.

*c) Kết quả phân luồng*

Công tác phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS trên địa bàn thành phố được quán triệt và triển khai thực hiện dựa theo Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025” và Chỉ thị số 29-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở giai đoạn 2022-2030. Hằng năm, tỷ lệ học sinh tiếp tục theo học tại các trường THPT là 85%; tỷ lệ học sinh theo học nghề tại các cơ sở đào tạo nghề trong tỉnh là 6%; số học sinh còn lại tham gia lao động sớm.

***2.3. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: Thực trạng về số lượng, trình độ đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thừa, thiếu so với số biên chế được giao (ở từng trường, môn học, lĩnh vực); số lượng giáo viên hợp đồng trong biên chế được giao; công tác tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng, nâng chuẩn đội ngũ giáo viên***

*a) Thực trạng đội ngũ*

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các cấp học được củng cố, kiện toàn cơ bản chuẩn hóa về trình độ đào tạo. 100% cán bộ quản lý, giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng về nghiệp vụ chuyên môn và lý luận chính trị, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn của đội ngũ chiếm tỷ lệ 85%. Số cán bộ quản lý, giáo viên chưa đạt chuẩn hiện đang theo học các lớp đại học chuyên ngành để đảm bảo tỷ lệ đạt chuẩn và trên chuẩn 100% theo lộ trình quy định.

Biên chế giáo viên hiện còn thiếu nhiều so với yêu cầu thực tế và so với định mức quy định (giáo viên Tin học, giáo viên Tiếng Anh); đặc biệt, giáo viên tiểu học chưa đủ để tổ chức dạy học 2 buổi/ngày (tại thời điểm này thiếu 23 giáo viên). Để triển khai các môn học mới theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 (môn Tiếng Anh bắt buộc thực hiện 04 tiết/tuần; môn Tin học bắt buộc thực hiện 01 tiết/tuần) thì năm học 2022-2023 toàn thành phố cần bổ sung 09 giáo viên Tiếng Anh và 09 giáo viên Tin học.

Số lượng giáo viên hợp đồng trong biên chế được giao cụ thể của từng năm là: năm học 2018-2019: tiểu học: 24. THCS: 18; năm học 2019-2020: 0; năm học 2020-2021: TH: 10, THCS: 02; năm học 2021-2022: tiểu học: 09, THCS: 02. Phòng Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các trường tiếp tục thực hiện rà soát, tuyển dụng, bố trí, sử dụng hợp lý và có hiệu quả nguồn biên chế hiện có của đơn vị; tăng cường công tác tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ giáo viên dự kiến bố trí dạy học môn Tin học lớp 3; đảm bảo triển khai thành công đối với 2 môn học mới (Tiếng Anh, Tin học).

*b) Công tác tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng, nâng chuẩn đội ngũ giáo viên*

Công tác tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng, nâng chuẩn đội ngũ giáo viên thực hiện kế hoạch của Sở Giáo dục và Đào tạo về bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ quản lý và giáo viên hàng năm. Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố triển khai, hướng dẫn kịp thời đến các trường; các trường đã tổ chức hướng dẫn giáo viên, cán bộ quản lý xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên, cán bộ quản lý và tổ chức triển khai kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên. cán bộ quản lý và giáo viên đã xây dựng và tiến hành thực hiện hoàn thành kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên của cá nhân theo quy định. Các đơn vị đã triển khai thực hiện tốt các nội dung tập huấn do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức; đảm bảo 100% giáo viên dạy lớp 1, 2, 3 và lớp 6, 7 tham gia tập huấn sách giáo khoa, tập huấn đầy đủ các môn học theo các bộ sách giáo khoa do nhà trường lựa chọn.

**2.4. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học: Thực trạng cơ sở vật chất khối phòng học tập, phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; cơ sở hạ tầng kỹ thuật; tình trạng thừa, thiếu; tỷ lệ kiên cố hóa ở từng hạng mục; khả năng đáp ứng học 02 buổi/ngày**

*a) Thực trạng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học*

Nhiều trường tiểu học do xây dựng đã lâu nên phòng học đã xuống cấp nhiều, hết niên hạn sử dụng; phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ khác còn thiếu rất nhiều. Tổng số phòng học hiện có là 443 phòng, chỉ đáp ứng được 80% so với nhu cầu (mỗi lớp 1 phòng); trong đó: số phòng kiên cố là 422 phòng; số phòng bán kiên cố là 21 phòng; số phòng học mượn là 04 phòng (TH Bảo An 1 mượn phòng học tại THCS Nguyễn Văn Trỗi).

Khối phòng bộ môn, khối phòng phục vụ học tập (nhà đa năng gần như chưa có) và khối hành chính quản trị của các trường trung học cơ sở còn thiếu nhiều. Số phòng học hiện có là 158 phòng; trong đó: số phòng kiên cố là 147 phòng; số phòng bán kiên cố là 11 phòng; diện tích phòng học từ 48 đến 50m<sup>2</sup>, chưa đảm bảo theo quy định (60 - 67m<sup>2</sup>).

Tổng nhu cầu về cơ sở vật chất tại thời điểm báo cáo là 391 phòng, bao gồm 238 phòng học và 153 phòng bộ môn (phục vụ học tập); cụ thể: cấp tiểu học: 289 phòng (189 phòng học, 100 phòng bộ môn); cấp THCS: 102 phòng, (49 phòng học, 53 phòng bộ môn).

*c) Kết quả thực hiện đầu tư cơ sở vật chất (Nguồn kinh phí xây dựng tập trung của tỉnh và kết dư của thành phố)*

Tại thời điểm báo cáo, thành phố đã hoàn thành đưa vào sử dụng: 142 phòng (91 phòng học, 51 phòng bộ môn) với kinh phí là 125.801.351.211 đồng; trong đó: cấp tiểu học là 122 phòng; cấp THCS là 20 phòng; đang thi công: 38 phòng (26 phòng học, 12 phòng bộ môn) với kinh phí là 41.339.906.115 đồng; chuẩn bị hồ sơ thi công (chuẩn bị đầu tư): 215 phòng (127 phòng học và 88 phòng bộ môn) với kinh phí là 264.618.000.000 đồng; trong đó, cấp mầm non là 06 phòng học và 01 khu bếp; cấp tiểu học là 159 phòng; cấp THSC là 50 phòng.



*d) Sửa chữa cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị từ từ nguồn kinh phí tự chủ các trường và nguồn sự nghiệp giáo dục từ năm 2018 đến 2022*

Kinh phí sửa chữa, mua sắm trang thiết bị phục vụ năm học mới:

Năm 2018-2019: 5.508.364.000 đồng.

Năm 2019-2020: 5.508.364.000 đồng.

Năm 2020-2021: 9.505.557.000 đồng.

Năm 2021-2022: 14.783.262.400 đồng.

Năm 2022-2023: 11.362.834.000 đồng

### ***2.5. Kết quả xây dựng trường phổ thông đạt chuẩn Quốc gia và kiểm định chất lượng giáo dục theo kế hoạch***

Công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia được xác định là nhiệm vụ trọng tâm của Ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố. Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân thành phố tiếp tục tập trung các nguồn lực và thực hiện nhiều giải pháp để xây dựng, phát triển trường đạt chuẩn quốc gia theo đúng kế hoạch, lộ trình. Trong đó, tập trung ưu tiên các nguồn lực và huy động xã hội hóa đầu tư kiên cố hóa trường học; đồng thời, triển khai đồng bộ các giải pháp để hoàn thành các chỉ tiêu về xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

Phòng Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo; tổ chức kiểm tra, giám sát, đôn đốc, hỗ trợ các trường triển khai thực hiện công tác kiểm định chất lượng và xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia theo kế hoạch và lộ trình. Theo đó, các trường thực hiện một cách nghiêm túc các thông tư hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tiêu chuẩn, quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Kết quả, hằng năm có 100% cơ sở giáo dục hoàn thành Tự đánh giá. Tính đến cuối tháng 01/2023, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm có 15/35 trường phổ thông đạt chuẩn Quốc gia (tỉ lệ 42.9%).

Trong thời gian tới, thành phố tiếp tục đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung biên chế giáo viên, đầu tư các hạng mục công trình còn thiếu so với quy định để tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà trường trong công tác kiểm định chất lượng và công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia; tập trung bồi dưỡng nâng cao nhận thức, nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh về công tác kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia; tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc, hỗ trợ các trường triển khai có hiệu quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia; xác định đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của địa phương, gắn nhiệm vụ này với công tác thi đua, khen thưởng hằng năm.

### ***2.6. Việc triển khai lựa chọn sách giáo khoa giáo dục các lớp: 1, 2, 3, 6, 7, 10 theo Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018; thực hiện Chỉ thị số***

**643/CT-BGDĐT ngày 10/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sử dụng sách giáo khoa và sách tham khảo tại các cơ sở giáo dục; việc trang bị sách giáo khoa, tài liệu, học liệu**

*a) Việc triển khai lựa chọn sách giáo khoa*

Việc tổ chức lựa chọn sách giáo khoa Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 sử dụng trên địa bàn thành phố được tiến hành thực hiện thuận lợi trên cơ sở các văn bản Hướng dẫn, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Giáo dục và Đào tạo, cụ thể:

Đối với sách giáo khoa lớp 1: thực hiện theo Thông tư số 01/2020/TT-BGDĐT ngày 30/01/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn việc lựa chọn sách giáo khoa các cơ sở giáo dục phổ thông; Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận và Công văn số 761/SGDĐT-NVDH ngày 06/4/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn tổ chức lựa chọn sách giáo khoa lớp 1 Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Đối với sách giáo khoa các lớp 2, 3, 6, 7: thực hiện theo Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông (gọi tắt là Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT); Quyết định số 375/QĐ-UBND ngày 04/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận và các hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 372/SGDĐT-NVDH ngày 24/02/2021 về việc hướng dẫn tổ chức lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông theo Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT; Công văn số 363/SGDĐT-NVDH ngày 22/02/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức lựa chọn sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông theo Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT năm học 2022-2023; Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 12/4/2021 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 2, lớp 6 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông tỉnh Ninh Thuận; Quyết định 324/QĐ-UBND ngày 09/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 3, lớp 7 và lớp 10 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông tỉnh Ninh Thuận; Công văn số 853/SGDĐT-NVDH ngày 19/4/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 12/4/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Công văn số 377/SGDĐT-NVDH ngày 21/6/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc Triển khai thực hiện Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 9/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 3, lớp 7 và lớp 10 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông tỉnh Ninh Thuận

*b) Việc thực hiện Chỉ thị số 643/CT-BGDĐT*

Các đơn vị trường phổ thông quán triệt và thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 643/CT-BGDĐT ngày 10/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc

sử dụng sách giáo khoa và sách tham khảo tại các cơ sở giáo dục. Tất cả các cơ sở giáo dục được trang bị kịp thời, đầy đủ sách giáo khoa, tài liệu, học liệu phục vụ cho triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

### **2.8. Chất lượng, hiệu quả thực hiện các chương trình giáo dục**

Căn cứ hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục năm học của Sở Giáo dục và Đào tạo; căn cứ tình hình thực tế của địa phương, Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các trường học triển khai thực hiện nhiệm vụ giáo dục; xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường để chủ động, linh hoạt thực hiện và hoàn thành chương trình năm học; tổ chức triển khai các môn học/hoạt động giáo dục mới theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; chỉ đạo, hướng dẫn các trường tiểu học trực thuộc chủ động xây dựng các phương án, kế hoạch tổ chức dạy học cụ thể với hình thức tổ chức linh hoạt, phù hợp với khả năng đáp ứng của đơn vị và điều kiện thực tế của người học.

Thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, thành phố tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với cấp tiểu học. Trong năm học 2022-2023, tỷ lệ học sinh tiểu học được học 2 buổi/ngày đạt 18.4%; tỷ lệ học sinh được học từ 6 buổi trở lên/tuần đạt 62.2%. Do biên chế giáo viên chưa đảm bảo tỷ lệ 1,5 giáo viên/lớp theo quy định để thực hiện dạy học 2 buổi/ngày nên số học sinh, số lớp được học 2 buổi/ngày sẽ giảm dần theo từng năm học. Trước mắt, những trường tiểu học chưa đủ điều kiện tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, trên cơ sở dạy học đúng, đủ nội dung và thời lượng các môn học bắt buộc theo quy định của chương trình, nhà trường chủ động xác định nội dung, lựa chọn hình thức tổ chức, phân bổ thời lượng phù hợp cho môn học tự chọn, hoạt động củng cố và hoạt động giáo dục khác.

Đối với Chương trình Giáo dục phổ thông 2006, Phòng Giáo dục và Đào tạo giao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục đối với lớp 4, lớp 5, lớp 8, lớp 9 theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh để đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông. Các trường đã tổ chức thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học một cách hợp lý, đáp ứng được yêu cầu, mục tiêu giáo dục của cấp học, phù hợp với đối tượng học sinh các vùng miền, địa phương, đồng thời từng bước thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực của học sinh.

Trong giai đoạn 2018 - 2022, chất lượng giáo dục toàn diện trên địa bàn thành phố được duy trì ổn định và được nâng lên qua các năm (cả chất lượng đại trà và chất lượng mũi nhọn). Tỷ lệ học sinh lên lớp thẳng đối với lớp 1, 2, 3, 4 duy trì trên 98.0%; tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình cấp học đối với lớp 5 duy trì 100%; tỷ lệ học sinh lên lớp thẳng đối với lớp 6, 7, 8 duy trì trên 96.0%; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS duy trì trên 99.5%. Liên tục trong những năm qua, thành phố luôn dẫn đầu toàn tỉnh trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi, tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông, hội thi, hội diễn văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao các cấp...

## ***2.9. Công tác nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục***

Căn cứ Quyết định số 393/QĐ-UBND ngày 07/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 1788/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 ban hành Kế hoạch chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Phan Rang - Tháp Chàm. Trên cơ sở kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố, Phòng Giáo dục và Đào tạo ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo các trường triển khai thực hiện công tác chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030, cụ thể: Kế hoạch số 25/KH-PGDĐT ngày 29/4/2022 về Chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 của ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố Phan Rang - Tháp Chàm; Quyết định số 33/QĐ-PGDĐT ngày 12/5/2022 về Thành lập Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 của Ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố Phan Rang - Tháp Chàm; Quyết định số 34/QĐ-PGDĐT ngày 20/5/2022 về Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 của ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

Bước đầu ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt bảo hiểm y tế và các khoản thu khác theo quy định theo Kế hoạch số 1466/KH-UBND ngày 08/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021 - 2025 và Công văn số 2229/SGDĐT-NVDH ngày 14/9/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn triển khai nhiều phương thức thu học phí không dùng tiền mặt qua Hệ chương trình quản lý giáo dục Ninh Thuận. Kết quả có 8.130 phụ huynh học sinh thanh toán không dùng tiền mặt (tỷ lệ 27,62%). Triển khai có hiệu quả Cổng thông tin điện tử, thư điện tử theo quy định tại Thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT ngày 05/10/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong năm 2022, Phòng Giáo dục và Đào tạo đã đăng tải 13 văn bản chỉ đạo, đưa 05 tin hoạt động của ngành trên Website tại địa chỉ: <http://phonggddtphanrang.ninhthuan.edu.vn>. 100% trường THCS thực hiện số hóa hồ sơ nhà trường, tổ chuyên môn và hồ sơ giáo viên trên ứng dụng Office 365; sử dụng hiệu quả chương trình quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD-Office); ứng dụng phân hệ phần mềm quản lý giáo dục ninh thuận các cơ sở giáo dục đã triển khai như tuyển sinh đầu cấp; học bạ điện tử, quản lý biến động học sinh...

## ***2.10. Công tác triển khai và kết quả thực hiện các chế độ, chính sách hỗ trợ đối với giáo viên, học sinh***

Việc thực hiện các chế độ, chính sách hỗ trợ đối với giáo viên, học sinh căn cứ theo các văn bản: Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Quyết định số 73/2021/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về kéo dài thời gian thực hiện các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về mức thu, vùng thu, quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021 đối với năm học 2021-2022 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 06/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận quy định mức thu học phí trong năm học 2022-2023 và vùng thu học phí từ năm học 2022-2023 đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Các cơ sở giáo dục đã tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng cho cán bộ, giáo viên, phụ huynh học sinh và học sinh các chủ trương, chính sách để thực hiện tốt và kịp thời các hồ sơ, thủ tục theo quy định về miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập. Việc triển khai các chủ trương, chính sách, chế độ trong lĩnh vực giáo dục được thực hiện đồng bộ, nghiêm túc, đúng đối tượng và kịp thời trên địa bàn thành phố. Chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập đã tạo điều kiện và giúp đỡ kịp thời cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn tiếp tục được đến trường; giúp nhà trường làm tốt công tác huy động học sinh ra lớp, hạn chế tình trạng học sinh bỏ học, qua đó hỗ trợ hiệu quả cho ngành Giáo dục và Đào tạo địa phương trong việc duy trì sĩ số, nâng cao chất lượng học tập.

### ***2.11. Công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giáo dục; giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng, xử lý vi phạm pháp luật trong giáo dục***

#### ***a) Công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giáo dục***

Công tác kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giáo dục được thực hiện theo kế hoạch năm học, luôn có trọng tâm, trọng điểm, tập trung chủ yếu vào công tác triển khai thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu của Ngành. Cụ thể: kiểm tra chuyên đề đổi mới phương pháp nuôi dạy, chăm sóc trẻ theo chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo; kiểm tra công tác phòng, chống bạo hành trẻ, công tác quản lý nhóm trẻ tư thục; kiểm tra tình hình triển khai nhiệm vụ năm học, kết quả thực hiện đổi mới quản lý giáo dục, đổi mới dạy học, công tác quản lý thu chi, quản lý dạy thêm học thêm, quản lý kết quả đánh giá học sinh, công tác tuyển sinh đầu cấp, công tác triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018... Thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định của cấp trên quản lý; tổ chức sơ, tổng kết năm học, các cuộc vận động và phong trào thi đua của Ngành.

Qua kiểm tra chuyên đề tại các trường học, Phòng Giáo dục và Đào tạo đã kịp thời chấn chỉnh nhiều sai sót, rút kinh nghiệm, góp phần tích cực khắc phục những hạn chế khuyết điểm, đồng thời xây dựng môi trường giáo dục ngày càng

phát triển toàn diện, bảo đảm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trên địa bàn thành phố. Bên cạnh đó, Phòng Giáo dục và Đào tạo thường xuyên rà soát, cập nhật thông tin phản ánh từ dư luận, từ phương tiện thông tin đại chúng... về các biểu hiện tiêu cực, sai phạm trong giáo dục và đào tạo; kịp thời tổ chức kiểm tra, xác minh và kiểm tra đột xuất và định kỳ, có biện pháp chấn chỉnh, xử lý nghiêm sai phạm (nếu có).

### **3. Đối với giáo dục thường xuyên**

#### **3.1. Công tác phổ cập, xóa mù chữ**

Trên cơ sở Nghị định 20/2014/NĐ-CP ngày 24/03/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Thông tư 27/2016/TT-BGDĐT ngày 22/03/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về điều kiện đảm bảo và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Chỉ thị số 40-CT/TU ngày 29/6/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Kế hoạch số 4321/KH-UBND ngày 05/10/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc Triển khai thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở giai đoạn 2022 - 2030; Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục, xóa mù chữ của tỉnh hàng năm và căn cứ đặc điểm, tình hình thực tế của địa phương, thành phố tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU ngày 29/5/2012 của Thành ủy Phan Rang - Tháp Chàm về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với công tác phổ cập giáo dục cho trẻ em 5 tuổi; Chỉ thị số 29-CT/TU ngày 12/9/2014 của Ban Thường vụ Thành ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở; Chỉ thị số 16-CT/TU ngày 15/5/2017 của Thành ủy về tăng cường công tác quản lý, nâng cao chất lượng dạy và học trên địa bàn thành phố; Kế hoạch số 165-KH/TU ngày 12/10/2022 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở giai đoạn 2022 - 2030, hàng năm, thành phố xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trên địa bàn. Kết quả cụ thể như sau:

*Năm 2018:* thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2, đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 1, đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1.

*Năm 2019:* thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 (trong đó, xã/phường đạt chuẩn mức độ 2, đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 1, đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1.

*Năm 2020:* thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 1, đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1.

*Năm 2021:* thành phố không đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2, đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 1, đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1.

*Năm 2022:* thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 1, đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1.

### ***3.2. Kết quả hoạt động của các trung tâm Học tập cộng đồng, Trung tâm Văn hóa thể thao - Học tập cộng đồng***

Tại thời điểm báo cáo, số Trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn thành phố là 16 trung tâm/16 phường, xã; số hội viên toàn thành phố: 39.951 (7.709 hội viên chính thức và 32.242 hội viên tán trợ). Cán bộ, công chức, viên chức tham gia các chương trình học tập nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm (111 người, tỉ lệ 100%); cán bộ, công chức, viên chức có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (95 người, tỉ lệ 85,58%); cán bộ, công chức, viên chức có trình độ ngoại ngữ bậc 3 (09 người, tỉ lệ 8,1%). 100% cán bộ, công chức được đào tạo đáp ứng tiêu chuẩn quy định; 100% cán bộ, công chức giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý các cấp được đào tạo, bồi dưỡng theo chương trình quy định; 100% thực hiện chế độ bồi dưỡng bắt buộc tối thiểu hàng năm. Đối với cán bộ, công chức cấp xã: 170 cán bộ cấp xã được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, điều hành theo vị trí công việc; 100% cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn theo chuẩn quy định; 100% công chức cấp xã thực hiện chế độ bồi dưỡng bắt buộc tối thiểu hàng năm. Đối với lao động nông thôn: Mở 136 lớp với 12.414 lượt người tham gia học tập, cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao khoa học kỹ thuật công nghệ sản xuất tại các Trung tâm học tập cộng đồng. Đối với công nhân lao động: 66,0% công nhân lao động qua đào tạo nghề; phần đầu năm 2023 có 80% công nhân qua đào tạo nghề.

Thành phố chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo phối hợp Hội Khuyến học thành phố hướng dẫn Ủy ban nhân dân phường, xã triển khai đánh giá, xếp loại cộng đồng học tập cấp xã theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 2658/UBND-KGVX, ngày 07/7/2016. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức đánh giá các Trung tâm học tập cộng đồng theo hướng dẫn tại Công văn số 721/SGDĐT-GDCN&GDTX, ngày 16/5/2013 của Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Thuận về việc hướng dẫn đánh giá các Trung tâm học tập cộng đồng phường, xã. Kết quả đánh giá, xếp loại: 10/16 Trung tâm xếp loại Tốt; 04/16 Trung tâm xếp loại Khá; 02/16 Trung tâm xếp loại Đạt yêu cầu. Triển khai thực hiện Thông tư số 44/2014/TT-BGDĐT, ngày 12/12/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã: Báo cáo điển hình về gia đình, dòng họ học tập tiêu biểu của địa phương; Hướng dẫn các biểu mẫu, thu thập thông tin và cách đánh giá, công nhận các mô hình học tập cho cán bộ, hội viên 16 phường, xã theo Quyết định số 448/QĐ-KHVN, ngày 10/11/2015 của Chủ tịch Hội Khuyến học Việt Nam; hoàn thành chương trình cấp Giấy chứng nhận

cho 122 cán bộ, hội viên, chi hội trưởng Hội khuyến học cơ sở phường xã, trường học (tỉ lệ 100%).

Bên cạnh những kết quả trên, việc bồi dưỡng kỹ thuật, kỹ năng lao động, sản xuất cho lực lượng lao động trong nhân dân chưa đạt chỉ tiêu của kế hoạch. Các Trung tâm học tập cộng đồng còn lúng túng trong mô hình hoạt động; hoạt động chưa phong phú, hiệu quả chưa cao. Chất lượng hoạt động của một số Trung tâm học tập cộng đồng phường, xã còn hạn chế. Nhận thức của một số cán bộ cơ sở về xây dựng xã hội học tập có lúc, có nơi chưa đầy đủ nên việc tổ chức thực hiện còn chậm, nhất là ở giai đoạn đầu thực hiện kế hoạch.

#### **4. Đối với giáo dục dân tộc miền núi và giáo dục hòa nhập**

##### ***4.1. Kết quả thực hiện các chương trình giáo dục tăng cường Tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số; kết quả công tác dạy tiếng dân tộc trong nhà trường***

###### *a) Việc thực hiện các chương trình giáo dục tăng cường Tiếng Việt*

Thực hiện các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo hàng năm về thực hiện nhiệm vụ năm học đối với giáo dục dân tộc, thành phố đã kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn trường thực hiện chương trình giáo dục tăng cường Tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số và dạy tiếng dân tộc trong nhà trường đối với Trường TH Thành Hải 2. Trên cơ sở hướng dẫn, chỉ đạo từ Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo, nhà trường xây dựng kế hoạch và chương trình tăng cường tiếng Việt cho học sinh thuộc dân tộc thiểu số đảm bảo cụ thể, khả thi, hiệu quả; thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ và giải pháp tăng cường tiếng Việt cho trẻ em, học sinh thuộc dân tộc thiểu số theo từng năm học; thực hiện việc tăng cường tiếng Việt cho học sinh đầu cấp trong thời gian hè, trước khi bước vào năm học mới nhằm giúp các em làm quen với tiếng Việt và các hoạt động giao tiếp...; nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, cộng tác viên hỗ trợ ngôn ngữ (là người dân tộc thiểu số) về tăng cường tiếng Việt cho trẻ em, học sinh dân tộc thiểu số.

###### *b) Công tác dạy tiếng dân tộc trong nhà trường*

Thực hiện các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo Trường TH Thành Hải 2 tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả hoạt động dạy học Tiếng dân tộc thiểu số theo Nghị định số 82/2010/NĐ-CP phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và nhu cầu của HS; thực hiện Chương trình sách giáo khoa mới đối với lớp 1, 2, 3 theo Thông tư số 34/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông môn học tiếng Bahnar, tiếng Chăm, tiếng Ê đê, tiếng Jrai, tiếng Khmer, tiếng Mnông, tiếng Mông, tiếng Thái; thực hiện Chương trình tiếng Chăm đối với lớp 3 đến lớp 5: tiếp tục chỉ đạo thực hiện theo Quyết định số 74/2008/QĐ-BGDĐT ngày 26/12/2008 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành chương trình tiếng Chăm cấp tiểu học (theo công văn số 1954/



SGDDĐT-NVDH ngày 16/8/2022 về việc hướng dẫn dạy học môn học tiếng Chăm cấp tiểu học năm học 2022-2023).

***4.2. Công tác huy động học sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khác đến trường; kết quả thực hiện chương trình giáo dục hòa nhập, các hoạt động chăm sóc, giáo dục học sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khác***

***a) Công tác huy động học sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khác đến trường***

Công tác huy động học sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khác đến trường được các trường đặc biệt quan tâm, chú trọng. Hàng năm, các cơ sở giáo dục tiểu học trên địa bàn thành phố huy động 100% trẻ khuyết tật có khả năng học tập trong độ tuổi ra lớp học hòa nhập. Cụ thể: năm học 2019-2020 huy động 40/40 học sinh (tỷ lệ 100%); năm học 2020-2021 huy động 44/44 (tỷ lệ 100%); năm học 2021-2022 huy động 46/46, (tỷ lệ 100%); năm học 2022-2023 huy động 53/53 (tỷ lệ 100%).

***b) Việc thực hiện chương trình giáo dục hòa nhập, các hoạt động chăm sóc, giáo dục học sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khác***

Căn cứ hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học, ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố đã chỉ đạo các trường tăng cường cơ hội tiếp cận giáo dục cho trẻ khuyết tật theo Luật người khuyết tật; theo Thông tư 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật và các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục khuyết tật; Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC quy định chính sách giáo dục đối với người khuyết tật. Theo đó, các trường nắm chắc số lượng trẻ em khuyết tật trong độ tuổi tiểu học, huy động tối đa số trẻ khuyết tật học hòa nhập để tham mưu cho Ủy ban nhân dân các xã, phường trong việc giám định, cấp giấy chứng nhận cho trẻ khuyết tật; điều tra, lập danh sách theo dõi và có kế hoạch dạy học về giáo dục trẻ khuyết tật trong nhà trường; tăng cường công tác tuyên truyền về giáo dục cho trẻ khuyết tật cho các bậc cha mẹ học sinh, cộng đồng và nhà trường kết hợp với việc vận động, tiếp nhận và tổ chức giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật; đồng thời, nhà trường phối hợp với Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh Ninh Thuận trong công tác tập huấn về giáo dục hòa nhập cho giáo viên, tư vấn, hỗ trợ về giáo dục hòa nhập cho giáo viên, cha mẹ trẻ khuyết tật, cộng đồng về nội dung, phương pháp, tài liệu, thiết bị phục vụ công tác giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật.

***4.3. Công tác triển khai và kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ đối với học sinh vùng dân tộc thiểu số và học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khác***

Việc thực hiện các chính sách hỗ trợ đối với học sinh vùng dân tộc thiểu số và học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khác căn cứ theo Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và

hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật; Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật. Theo đó, các cơ sở giáo dục tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng cho cán bộ, giáo viên, phụ huynh học sinh và học sinh các chủ trương, chính sách để thực hiện tốt và kịp thời các hồ sơ, thủ tục theo quy định về hỗ trợ học bổng và kinh phí để mua sắm phương tiện đồ dùng học tập của học sinh khuyết tật.

Hiệu trưởng nhà trường có trách nhiệm xét duyệt hồ sơ và lập danh sách học sinh được hỗ trợ gửi Phòng Giáo dục và Đào tạo. Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức thẩm định hồ sơ của các cơ sở giáo dục và tổng hợp chung của toàn ngành trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt danh sách học sinh được hỗ trợ, đồng thời gửi phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán kinh phí thực hiện. Phòng Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm thông báo kết quả phê duyệt cho các cơ sở giáo dục trực thuộc. Sau khi được phê duyệt, các cơ sở giáo dục đã tổ chức chi trả cho phụ huynh và học sinh kịp thời theo định mức quy định.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

##### **1. Kết quả đạt được**

Ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố đã triển khai thực hiện đầy đủ kịp thời các văn bản chỉ đạo của ngành cấp trên; đặc biệt, việc học tập, quán triệt Nghị quyết số 29-NQ/TW được các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể từ thành phố đến cơ sở triển khai nghiêm túc, tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của toàn xã hội góp phần nâng cao vai trò trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, đặc biệt là cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức toàn ngành Giáo dục và Đào tạo.

Các cấp ủy Đảng, chính quyền đã quan tâm, chăm lo sự nghiệp giáo dục, hỗ trợ, tăng cường đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị, từng bước tháo gỡ khó khăn, động viên đội ngũ cán bộ, giáo viên trong toàn Ngành thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị được giao. Quy mô, mạng lưới trường, lớp các cấp học phát triển đều khắp trong toàn thành phố, tạo điều kiện thuận lợi và cơ hội học tập cho mọi người. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tiếp tục được đầu tư, cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; công tác quản lý giáo dục được quan tâm cải tiến, đổi mới về nội dung, phương pháp thực hiện, tác động tích cực đến việc nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên các cấp học được củng cố, kiện toàn cơ bản đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, chuẩn hóa về trình độ đào tạo, được đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ chuyên môn và lý luận chính trị đáp ứng yêu cầu đổi mới; tỷ lệ giáo viên có trình độ trên chuẩn cao. Công tác tuyển dụng viên chức ở các đơn vị sự nghiệp đã được thực hiện công khai, tuyển dụng đúng chuyên ngành, phù hợp với vị trí việc làm; công tác bổ nhiệm, luân chuyển, điều động được

thực hiện đúng quy định; các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức ngành Giáo dục được thực hiện, giải quyết kịp thời, đúng quy định.

Công tác xã hội hóa được đẩy mạnh, tạo được sự chuyển biến tích cực thu hút các nguồn lực xã hội, sự quan tâm của các tổ chức, cá nhân đến sự phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn. Người dân quan tâm và nhận thức tốt hơn về giáo dục, tham gia xây dựng trường, lớp, chăm lo giáo dục, góp phần đẩy mạnh phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập ở địa phương.

## **2. Tồn tại, hạn chế**

Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy học mặc dù đã được trang bị nhiều nhưng chưa đáp ứng đủ yêu cầu triển khai thực hiện Chương trình. Một số trường tiểu học không có đủ phòng học để thực hiện dạy học 2 buổi/ngày cho các khối lớp đang triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Hầu hết các trường phổ thông trực thuộc thành phố chưa được đầu tư phòng học và thiết bị dạy học phục vụ triển khai dạy học bắt buộc môn Tin học lớp 3, 6, 7 theo quy định tại Thông tư số 32/TT/2018/TT-BGDĐT.

Biên chế cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên còn thiếu nhiều ở các cấp học so với định mức quy định; đặc biệt, biên chế giáo viên tiểu học hiện có chưa đáp ứng về số lượng để thực hiện dạy học 2 buổi/ngày. Chất lượng đội ngũ chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, đổi mới giáo dục và đào tạo. Một số cán bộ quản lý, giáo viên chưa theo kịp yêu cầu đổi mới quản lý, dạy học.

## **3. Nguyên nhân của hạn chế**

Nguồn kinh phí đầu tư cơ sở vật chất trường, lớp học còn hạn hẹp. Việc thực hiện tinh giản 10% biên chế giáo viên theo lộ trình đến năm 2025 gây trở ngại lớn trong việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018, việc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày và công tác xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia.

Năng lực chuyên môn nghiệp vụ của một số cán bộ quản lý, giáo viên còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới một phần do tuổi đời của đội ngũ khá cao (từ 45 trở lên chiếm tỷ lệ trên 50% đối với giáo viên, trên 85% đối với cán bộ quản lý); đây là trở ngại lớn trong tiếp cận, triển khai đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

## **V. KIẾN NGHỊ**

### **1. Đối với Trung ương**

**1.1.** Có hướng dẫn cụ thể và phù hợp thực tế hơn về chế độ kinh phí chi trả cho giáo viên hợp đồng (vì hiện nay, giáo viên hợp đồng thực hiện nhiệm vụ như giáo viên đã được tuyển dụng nhưng không được hưởng các khoản phụ cấp kèm theo, khó khăn cho địa phương trong việc tìm kiếm người hợp đồng thay thế trường hợp nghỉ ốm đau, thai sản hay dự phòng thu hồi biên chế theo lộ trình).

**1.2.** Nghị quyết số 19/NQ-TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Giảm 10% đơn vị sự nghiệp công lập. Giảm tối

*thiếu 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước” theo lộ trình giai đoạn đến năm 2030.*

Đối với các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thì quy mô trường, lớp phụ thuộc vào số lượng học sinh (có học sinh thì phải có biên chế giáo viên để giảng dạy). Do đó, việc thực hiện giảm cơ học 10% số đơn vị sự nghiệp công lập và 10% biên chế đối với các ngành giáo dục không thật sự phù hợp.

- Xem xét có giải pháp hoặc điều chỉnh các mục tiêu trong Nghị quyết số 19/NQ-TW và các văn bản triển khai thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-TW (không thực hiện giảm cơ học 10% số đơn vị sự nghiệp công lập và 10% biên chế đối với ngành Giáo dục).

**1.3.** Nghị quyết số 19/NQ-TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII *“Rà soát, sắp xếp, cơ cấu lại và tinh giản biên chế đối với các chức danh kế toán, y tế học đường tại các trường mầm non, phổ thông”*

Hiện nay, theo quy định phân cấp thẩm quyền về tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thì việc tinh giản vị trí Kế toán là không phù hợp, khó khăn cho các đơn vị trong công tác tài chính (Ngành Giáo dục huyện Thuận Bắc đã áp dụng việc dùng chung nhân viên Kế toán đối với một số đơn vị trường học trên cùng địa bàn xã nhưng không khả thi, không hiệu quả và gặp nhiều khó khăn).

Đối với vị trí Y tế học đường trong trường học là vị trí quan trọng, trực tiếp chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh, kiểm tra, lấy mẫu thức ăn (đối với các trường có bán trú)...; đặc biệt trong các thời gian có dịch bệnh (cụ thể như: tay chân miệng, cúm, Covid-19...) thì nhiệm vụ và vai trò của Y tế học đường thể hiện rõ nét và không thể thay thế.

- Các cấp có kiến nghị để điều chỉnh các giải pháp trong Nghị quyết số 19/NQ-TW: Không thực hiện tinh giản biên chế đối với các chức danh kế toán, y tế học đường tại các trường mầm non, phổ thông.

## **2. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh**

Quan tâm bổ sung biên chế giáo viên theo nhu cầu thực tế để các trường học triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ năm học 2022-2023 và những năm học tiếp theo; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý và dạy học, đảm bảo triển khai có hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia.

## **3. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo**

Tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho các giáo viên giảng dạy các môn học tích hợp theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 (Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lý, Nghệ thuật). Kịp thời phát hành, trang bị

sách giáo khoa và hướng dẫn thực hiện đối với nội dung Giáo dục địa phương theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

## **VI. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM TRONG THỜI GIAN ĐẾN**

**1.** Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động số 258-CTr/TU ngày 25/3/2014 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.

**2.** Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 109-KH/TU ngày 15/3/2018 của Thành ủy kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

**3.** Tích cực rà soát, sắp xếp lại đội ngũ giáo viên phù hợp, cân đối trong từng bộ môn của cấp học; giữa giáo viên lâu năm và giáo viên mới vào nghề; thực hiện đúng định mức giáo viên theo quy định; thực hiện tốt đề án sắp xếp mạng lưới trường, lớp học giai đoạn 2021 - 2025 theo Kế hoạch số 348/KH-UBND ngày 10/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về triển khai rà soát, sắp xếp lại mạng lưới trường, lớp học và đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, nhân viên giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

**4.** Tích cực rà soát, tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh về nhu cầu đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, bổ sung biên chế giáo viên các cấp học. Tăng cường công tác tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên nhằm đáp ứng yêu cầu triển khai đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ mọi mặt của đội ngũ giáo viên, đủ về số lượng, đạt chuẩn về chuyên môn, kỹ năng sư phạm, nhất là chú trọng việc tu dưỡng rèn luyện đạo đức nhà giáo, đạo đức nghề nghiệp, tận tâm tận lực đối với sự nghiệp giáo dục chung của thành phố, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

**5.** Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách ưu đãi trong giáo dục và đào tạo của Nhà nước đối với giáo viên và học sinh. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho giáo dục; bố trí ngân sách phù hợp, tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực xã hội chăm lo phát triển toàn diện, nâng chất lượng giáo dục của thành phố.

**6.** Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục tại các trường học; tổ chức đánh giá kết quả thực

hiện để có điều chỉnh, bổ sung kịp thời, hợp lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

Trên đây là báo cáo của Ủy ban nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm về việc thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục tại cơ sở giáo dục giai đoạn 2018-2022./.

***Nơi nhận:***

- Đoàn Giám sát HĐND tỉnh;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- CT, PCT UBND thành phố;
- Phòng GDĐT thành phố;
- Lưu: VPUB.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Ngọc Quang**